

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 27-8-2025

“V/v: Tranh chấp ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Năng

Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Phi Yến

Ông Ngô Hà Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Lâm Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Lê Anh Pha - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2025/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”.

Do Bản án sơ thẩm số 14/2025/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, nay là Tòa án nhân dân khu vực 1, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 7 năm 2025; Thông báo hoãn phiên tòa: 127/2025/TB-TA ngày 30 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Tuấn A. Sinh năm: 1981. Địa chỉ: K N, tổ B phường H, phường H, quận H, nay là phường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Đỗ Thị T. Sinh năm: 1981. Địa chỉ: K N, quận T, nay là phường T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Ông Ngô Tuấn A – là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

** Nguyên đơn ông Ngô Tuấn A, trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đỗ Thị T kết hôn với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc tại nhà của ba mẹ ruột ông. Đến năm 2022 phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn. Ông là quân nhân công tác tại Gia Lai hơn 7 năm nay, ít có điều kiện về nhà, tình cảm vợ chồng xa cách. Nay, ông nhận thấy bản thân không còn tình cảm với bà Đỗ Thị T, mối quan hệ giữa vợ chồng không thể hàn gắn. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đỗ Thị T.

- Về con chung: Ông Ngô Tuấn A xác định vợ chồng có 02 con chung:

+ Ngô Đỗ Bảo T1, sinh ngày: 17/12/2008

+ Ngô Đình Tuấn L, sinh ngày: 29/01/2019.

Ly hôn, ông Ngô Tuấn A có yêu cầu giao 02 (hai) con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi và cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con 4.000.000 đồng/tháng, 02 con 8.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Ông Ngô Tuấn A xác định không có.

- Về nợ chung: Ông Ngô Tuấn A xác định không có.

** Bị đơn bà Đỗ Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà thống nhất như ông Tuấn A trình bày về thời gian kết hôn, địa điểm kết hôn cũng như thời gian chung sống. Về mâu thuẫn vợ chồng, theo bà gia đình nào cũng có nhiều mâu thuẫn. Đối với gia đình bà, ông A đi Gia Lai công tác đã hơn 7 năm, bà ở nhà vừa đi làm vừa vất vả lo con cái, chồng ở xa nên ít chia sẻ, vợ chồng đôi khi không hiểu nhau phần lớn do xa cách. Nhưng bà nghĩ, bà có thể sửa chữa được để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nếu cần thiết bà sẽ chuyển công tác và lên Gia Lai để vợ chồng, con cái được gần nhau, tạo điều kiện để hàn gắn gia đình. Do đó bà không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm thương yêu chồng. Bà yêu cầu Tòa án hòa giải để vợ chồng hàn gắn về chung sống với nhau.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng bà có 02 (hai) con chung là Ngô Đỗ Bảo T1, sinh ngày: 17/12/2008 và Ngô Đình Tuấn L, sinh ngày: 29/01/2019. Hiện nay bà đang trực tiếp chăm sóc hai con và ở nhà của bố mẹ chồng.

Do không đồng ý ly hôn, nên bà không đề cập đến việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có.

Với nội dung như trên, Bản án số 14/2025/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 4 năm 2025, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, nay là Tòa án nhân dân khu vực 1, thành phố Đà Nẵng thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Tuấn A đối với bà Đỗ Thị T về việc "Ly hôn".

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) ông Ngô Tuấn A phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0004832 ngày 25 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; ông Ngô Tuấn A đã nộp đủ tiền án phí.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/4/2025, bị đơn ông Ngô Tuấn A có đơn kháng cáo Bản án của Tòa án quận Hải Châu, nay là Tòa án nhân dân khu vực 1, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết ly hôn theo đơn của ông, với lý do mâu thuẫn gia đình kéo dài, hiện nay ông không còn tình cảm, không thể nào chung sống lại với nhau. Nhà cửa, nơi ở của hai con và bị đơn ông đã thống nhất ổn thỏa. Hiện không có tài sản chung và nợ chung. Hàng tháng ông chuyển trợ cấp nuôi con theo đúng quy định của pháp luật và thỏa thuận với bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo. Các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Tuấn A, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 14/2025/HNGĐ-ST ngày 15/4/2025 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu,

nay là Tòa án nhân dân khu vực 1, thành phố Đà Nẵng. Các bên đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Ngô Tuấn A hợp lệ, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của ông Ngô Tuấn A, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Ngô Tuấn A và bà Đỗ Thị T đã sống với nhau 18 năm, ông A là quân nhân hiện nay đang công tác tại Gia Lai được 07 năm nên ít có điều kiện về nhà. Còn bà T ở nhà vừa đi làm, vừa chăm lo con cái. Bà T còn sẵn sàng chuyển công tác và lên Gia Lai để vợ chồng, con cái được gần nhau, tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua xác minh tại địa phương ông bà cũng không có mâu thuẫn gì. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, bà T vẫn thiết tha xin đoàn tụ. Xét thấy, tuy vợ chồng xa cách do khoảng cách địa lý, có những bất đồng nhất định trong cuộc sống, nhưng chưa đến mức trầm trọng. Vì vậy Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông A, giữ nguyên án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông A phải chịu: 300.000 đồng.

[4] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của ông A không được cấp phúc thẩm chấp nhận, nên ông A phải chịu án phí phúc thẩm: 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Tuấn A, giữ nguyên Bản án số 14/2025/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, nay là Tòa án nhân dân khu vực 1, thành phố Đà Nẵng.

- Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Tuấn A đối với bà Đỗ Thị T về việc "Ly hôn".

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) ông Ngô Tuấn A phải chịu nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0004832 ngày 25 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1). Ông Ngô Tuấn A đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Án phí phúc thẩm: ông Ngô Tuấn A phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đồng ông Ngô Tuấn A đã nộp theo biên lai số 0005539 ngày 15 tháng 5 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1) thành phố Đà Nẵng. Ông Ngô Tuấn A đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1;
- Tòa án nhân dân khu vực 1;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thúy Năng

